

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ÂU CƠ
TỔ SỬ-ĐỊA-CD-TDQP

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022-2023



Đông Giang, tháng 09 năm 2022

KẾ HOẠCH NĂM HỌC TỔ SỬ-ĐỊA-CD-TDQP
Năm học 2022– 2023

Căn cứ vào công văn số 1814/SGDDĐT-GDTrH, ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Sở GD&ĐT Quảng Nam về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ vào Kế hoạch năm học 2022-2023 của Trường THPT Âu Cơ, Tổ **SỬ-ĐỊA-CD-TDQP** xây dựng kế hoạch hoạt động năm học 2022 - 2023 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh năm học

Năm học 2022 - 2023 nhà trường tích cực triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Thực hiện có hiệu quả nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng những việc làm thiết thực;

Đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học;

Thực hiện Chỉ thị 05- CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

Thực hiện năm đầu tiên đối với việc giảng dạy lớp 10 Chương trình giáo dục phổ thông mới.

2. Thuận lợi

- Tổ có 07 giáo viên đạt chuẩn. Các tổ viên đoàn kết giúp đỡ nhau trong công tác giảng dạy

- Đội ngũ giáo viên trong tổ hầu hết có năng lực khá, giỏi, có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm.

- Cơ sở vật chất phục vụ dạy học ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, cảnh quan, môi trường, điều kiện dạy học ngày càng được cải thiện tốt

- Năm học 2022- 2023 là năm học giáo viên bắt đầu giảng dạy với chương trình SGK lớp 10 mới; phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy

- Giáo viên của Tổ nhiệt tình, tâm huyết trong giảng dạy.

- Nhà trường đã có những đầu tư về trang thiết bị đặc biệt là những trang thiết bị hiện đại cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu dạy học.

- Đa số thành viên trong tổ có tinh thần vượt khó về chuyên môn, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình để dạy tốt, chủ nhiệm tâm huyết nhiệt tình và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Với sự đồng lòng và quyết tâm của các thành viên trong tổ, cùng với sự quan tâm và tạo mọi điều kiện của Ban Giám Hiệu, năm học 2021-2022 tổ được công nhận là tổ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Khó khăn

- Là tổ ghép với 5 phân môn nên khó khăn trong việc quản lí chuyên môn và số giờ bình quân trong tổ vẫn còn cao.
- Tuổi đời giáo viên nữ còn trẻ nằm trong độ tuổi sinh đẻ nên thường xuyên có biến động trong công tác giảng dạy.
- Đội ngũ giáo viên chưa đồng đều về năng lực, hạn chế về chuyên môn.
- Đa phần giáo viên trong tổ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe chưa tốt nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến việc đầu tư công tác giảng dạy.

4. Tình hình đội ngũ năm học 2022 - 2023

- Tổ có 7 giáo viên. (trong đó: 4 nam, 3 nữ)
- Trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn.

STT	Họ và tên	Trình độ	Đạt chuẩn	Chuyên Môn
1	Nguyễn Minh Sơn	Đại học	GV.THPT hạng III	Địa Lí
2	Nguyễn Quốc Tuấn	Đại học	GV.THPT hạng III	Thể chất
3	Nguyễn Thị Hăm	Đại học	GV.THPT hạng III	GDCT
4	Alăng Thị An	Đại học	GV.THPT hạng III	Địa lí
5	Bnước Grồng	Đại học	GV.THPT hạng III	GDCT
6	Bnước Nhút	Đại học	GV.THPT hạng III	Lịch Sử
7	Đinh Quang Lĩnh	Cao học	GV.THPT hạng III	Thể chất

II. CÁC MỤC TIÊU NĂM HỌC

1. Xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và Kế hoạch giáo dục của giáo viên.

- Tổ đã triển khai xây dựng Kế hoạch dạy học cụ thể, chi tiết và thực hiện đúng chương trình. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và Kế hoạch giáo dục của giáo viên đã được chuyên môn và tổ trưởng phê duyệt vào đầu năm học 2022-2023.

2. Thực hiện đúng và đủ công tác dạy tự chọn môn.

- Phân công giáo viên dạy đúng và đủ theo biên chế số tiết 17 tiết/ 1 giáo viên.
- Phân công giáo viên bộ môn dạy đúng chuyên môn.
- Mỗi giáo viên dạy ít nhất 2 khối lớp, không được phân công dạy 3 khối, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên đầu tư chuyên môn giảng dạy.

3. Thực hiện dạy học theo chủ đề tích hợp:

- Việc dạy tích hợp theo chủ đề cũng được tổ thực hiện ở các bộ môn Sử, Địa lí, giáo dục công dân.

4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy nhằm phát huy tính tự học và sáng tạo của học sinh.

- Nhằm đẩy mạnh việc nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin vào trong dạy học. Ngay từ đầu năm tổ cũng đã thống nhất qui định số tiết sử dụng công nghệ thông tin, mỗi giáo viên dạy ít nhất 2 tiết / 1 năm học.

- Tham gia thi E-learning cấp trường, cấp sở.

- Thường xuyên tham gia các buổi tập huấn công nghệ thông tin do trường tổ chức.

- Các thành viên trong tổ cũng chia sẻ các phần mềm hỗ trợ cho việc giảng dạy, ra đề.

5. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ công tác đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá:

+ Thực hiện tốt đổi mới phương pháp dạy học với các mục tiêu cụ thể như lấy người học là trung tâm, giúp học sinh phát triển năng lực, trí tuệ, tư duy, sáng tạo.

+ Đổi mới hình thức tổ chức dạy học như dạy học theo nhóm, tự học tập ở nhà, thảo luận, ngoại khoá, tham quan, phụ đạo...

+ Tăng cường đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá với nhiều hình thức khác nhau như hỏi-đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

+ Tổ chức dạy học với tiết học ngoài nhà trường:

Khối 10 thực hiện nội dung thực địa ngoài trời với môn Địa, Lịch sử.

6. Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn

+ Dạy học theo định hướng nghiên cứu bài học mỗi môn 2 tiết/ 1 học kì

+ Dạy học chuyên đề theo định hướng phát triển năng lực học sinh:

Trong Học kỳ I , chuyên đề GD-KTPL do cô **Nguyễn Thị Hăm**

Trong Học kỳ II , chuyên đề Lịch sử do cô **Bnướch Nhứt**

+ Thảo luận các vấn đề, các nội dung khó dạy hàng tháng, rút kinh nghiệm trong toàn tổ.

7. Tăng cường sử dụng đồ dùng dạy học vào bài giảng.

+ Sử dụng các bản đồ, thiết bị học tập vào bài học ở các môn Địa lí, Lịch sử.

+ Khai thác hình ảnh sưu tầm, hình ảnh trên Google.

II. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng tư tưởng, đạo đức, tác phong của giáo viên trong tổ

a) Chỉ tiêu:

- 100% giáo viên tổ có chính trị lập trường, tư tưởng vững vàng.

- 100% giáo viên tổ đạo đức lối sống chuẩn mực.

b) Biện pháp thực hiện:

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

- Tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chính trị.

- Gương mẫu trong công tác, đoàn kết với đồng nghiệp, gần gũi với học sinh, chia sẻ giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Duy trì kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.

2. Giữ vững và nâng cao chất lượng, hạn chế học sinh bỏ học, đảm bảo công tác phổ cập giáo dục THCS.

1. Chỉ tiêu:

- Tỷ lệ lưu ban, bỏ học không quá 5%.

- Tỷ lệ chuyên cần 100 %.

2. Biện pháp thực hiện:

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức học tập đối với mỗi học sinh. Phối hợp cha mẹ học sinh, GVCN để
- Nâng cao vai trò của tổ chức, đoàn thể cá nhân trong công tác tham gia dạy phụ đạo như đoàn thanh niên, chi đoàn GV, GVCN, GVBM
- Nâng cao chất lượng dạy học phù hợp với năng lực trình độ học sinh, phương pháp dạy học đổi mới tạo hứng thú cho học sinh, ôn tập phụ đạo cho học sinh yếu kém ...
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp để cho học sinh tham gia trải nghiệm, nâng cao giáo dục kỹ năng sống, tạo môi trường lành mạnh giúp cho các em phát huy năng khiếu, sự tự tin thể hiện bản thân của mình.
- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc học phụ đạo của các em.
- Thường xuyên quan tâm, động viên, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn không có điều kiện đến trường
- Tổ chức các lớp phụ đạo cho học sinh yếu, kém vào ban đêm hoặc trái buổi với sự giám sát, theo dõi của GVCN. Giáo viên dạy phụ đạo báo cáo tình hình học tập của học sinh cho Tổ trưởng và Lãnh đạo trường để khắc phục những hạn chế còn mắc phải và phát huy những ưu điểm.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh giáo dục học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu.

a) Về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Các chỉ tiêu:

- + Danh hiệu thi đua của tổ, chất lượng bộ môn (phụ lục kèm theo)
- + Thực hiện đầy đủ chương trình, không cắt xén, bỏ nội dung dạy học.
- + Có Kế hoạch dạy học chi tiết theo từng khối lớp (theo định hướng đổi mới) được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

- Biện pháp thực hiện.

- + Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đúng tiến độ, đúng mức độ yêu cầu chương trình và kế hoạch giáo dục ...
- + Đầu tư soạn bài chất lượng, hiệu quả phù hợp với học sinh từng lớp. Bài soạn theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp đối tượng học sinh.
- + Kế hoạch bài học được nộp vào ngày **thứ hai đầu tuần, bằng bản in.**
- + Đổi mới phương pháp dạy học, Tổ chuyên môn tổ chức tăng cường dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo trong học tập của học sinh, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong giải quyết vấn đề thực tiễn.
- + Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng vận dụng và liên hệ thực tế.
- + Vận dụng tốt các phương pháp dạy học vào các đối tượng khác nhau. Tăng cường rèn luyện kỹ năng cho học sinh, bám sát đối tượng.
- + Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy một cách hiệu quả, chú ý tích hợp liên môn, bảo vệ môi trường.

b) Về bồi dưỡng học sinh giỏi

- Các chỉ tiêu:

- + Đội tuyển HSG tham dự thi HSG cấp tỉnh thuộc 2 bộ môn (Lịch Sử, Địa Lí) phải đạt giải cao hơn năm học 2021-2022. Phần đầu đạt 1 giải nhất ở bộ môn.

+ Đầu tư tham gia các Hội thi khác do sở tổ chức (nếu có)

- Biện pháp thực hiện:

+ Xây dựng chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi các em học sinh thuộc đội tuyển Sở, Địa.

+ Tăng cường số buổi bồi dưỡng thêm cho đội tuyển, lên thời gian biểu cụ thể để tiện cho việc học của các em. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá định kì để rút kinh nghiệm và hỗ trợ kiến thức kịp thời.

+ Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các học sinh tham gia học bồi dưỡng HSG như miễn học TD, QP khi gần đến kì thi.

c) Về phụ đạo học sinh yếu

- Các chỉ tiêu:

+ Kiểm tra, rà soát, phát hiện sớm tất cả học sinh yếu không theo kịp chương trình. Lập danh sách phân loại đối tượng để xếp lớp dạy

+ Thực hiện ngay từ đầu năm học và duy trì đến cuối năm.

- Biện pháp thực hiện:

+ Xây dựng chương trình phụ đạo từ đầu năm học.

+ Cần sự tham gia nhiệt tình, tâm huyết của Đoàn thanh niên, chi đoàn GV, GVCN, GVBM.

+ Tăng cường kiểm tra theo dõi, giám sát việc thực hiện của học sinh khi tham gia.

+ Phối hợp cha mẹ học sinh để quản lí việc học mang hiệu quả cao.

4. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên.

a) Các chỉ tiêu:

- 100% giáo viên nghiên cứu nội dung, chương trình, sách giáo khoa, nắm vững chuẩn kiến thức kỹ năng theo quy định của Bộ GDĐT.

- 100% Giáo viên tổ thực hiện hoạt động dự giờ, thao giảng:

+ Mỗi giáo viên thực hiện 1 tiết thao giảng/ học kì; dự giờ đồng nghiệp 9 tiết/ 1 học kì.

+ Tổ trưởng, dự giờ giáo viên trong tổ chuyên môn ít nhất có 2 tiết /gv/năm; mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 2 bài giảng có ứng dụng CNTT/ năm học, dự giờ đồng

- Tham gia dự thi GV dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh. Có ít nhất 2 giáo viên tổ đạt giáo viên dạy giỏi từ cấp trường trở lên, có giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh(khi cơ quan cấp trên tổ chức);

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

- Thực hiện Bồi dưỡng thường xuyên thông qua việc cập nhật phần mềm, tập huấn chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn trong nhóm bộ môn theo định kì, tham gia sinh hoạt cụm.

b) Biện pháp thực hiện :

- Tổ CM phải có ít nhất 2-3 chuyên đề bồi dưỡng nâng cao chất lượng dạy học/năm

- Mỗi giáo viên phải thực hiện 2 chuyên đề chuyên môn trong 1 năm học

- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên đề do nhà trường và Sở tổ chức

- Thường xuyên tổ chức thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm các giáo viên.

- TTCM kiểm tra hồ sơ giáo viên mỗi tháng 1 lần; kiểm tra kế hoạch giảng dạy hàng...

- Đảm bảo sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/ 1 tháng

- Tham gia các Hội thi cấp trường và ngành tổ chức.

- Tích cực và có ý thức trong công tác tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thao giảng, ... của chuyên môn.
- Nghiên cứu nội dung chương trình để dạy học theo hướng nghiên cứu bài học.
- Có kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực và xây dựng giáo án tích hợp.

5. Nâng cao thành tích các Hội thi cấp huyện, sở tổ chức.

a) Các chỉ tiêu:

- 100% GV tham gia cuộc thi do, huyện, Sở tổ chức.

b) Biện pháp thực hiện:

- Tổ tạo mọi điều kiện để giáo viên trong tổ và học sinh tham gia đầy đủ các hội thi trong khả năng của nhà trường có thể.
- Tạo điều kiện về thời gian và động viên giáo viên và học sinh tích cực học tập để thu được kết quả cao trong các kì thi Học sinh giỏi.

6/ Đổi mới hoạt động tổ chuyên môn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá phân loại đội ngũ giáo viên.

a) Các chỉ tiêu:

- 100% giáo viên trong tổ biết soạn giáo án áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, khai thác mạng internet phục vụ dạy học.
- 100% giáo viên có kỹ năng ứng dụng phần mềm quản lý và đánh giá kết quả học sinh
- Triển khai các chuyên đề trong năm học theo kế hoạch xây dựng:
- Học kì I thực hiện 3 chuyên đề:
 - + Chuyên đề 1: Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực của học sinh
 - + Chuyên đề 2: Đô thị hoá
- Học kì II thực hiện 2 chuyên đề:
 - + Chuyên đề 1: Dạy học theo hướng nghiên cứu bài học
 - + Chuyên đề 2: Tích hợp kiến thức liên môn trong dạy học
- Thao giảng:
 - + HK I: ít nhất 1 tiết;
 - + HK II: ít nhất 1 tiết.
- Dự giờ rút kinh nghiệm, đánh giá: 2 tiết/1gv/năm học
- Kiểm tra kế hoạch giảng dạy: 1 lần/tháng
- Kiểm tra tiến độ cho điểm: 1 lần/tháng

b) Các biện pháp thực hiện:

- Tiếp thu và thực hiện nghiêm chỉnh văn bản Quy định trách nhiệm và cơ chế làm việc giữa Lãnh đạo và tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn với tổ các tổ viên.
- Phát huy quyền làm chủ, tính tự giác và chủ động của cán bộ giáo viên trong mọi mặt hoạt động.
- Tổ trưởng lập kế hoạch kiểm tra cấp tổ.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm sau kiểm tra ...
- Tổ chức kiểm tra và đánh giá, xếp loại học sinh phải lấy chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT làm cơ sở, đảm bảo khách quan thống nhất.
- Các bài kiểm tra từ 45 phút trở lên các tổ viên ra đề phải có ma trận đề nộp cho Tổ trưởng trước khi kiểm tra ...

7. Hoạt động ngoài giờ lên lớp.

a) Các chỉ tiêu:

- 100% giáo viên trong tổ tham gia đầy đủ các buổi ngoại khóa.
- GVCN được phân công giảng dạy bộ môn HĐ trải nghiệm và hướng nghiệp phải tham gia sinh hoạt đầy đủ.

b) Biện pháp thực hiện:

- Nghiên cứu các câu hỏi chuyên đề phù hợp với nội dung chuyên đề đã được phân công. Xây dựng nếp sống văn hóa, củng cố kỷ cương nề nếp, thực hiện giáo dục kỷ luật tích cực hiệu quả, tham gia đầy đủ các buổi tham quan, học tập các di sản văn hóa nếu có điều kiện.
- Thực hiện các buổi ngoại khóa, tuyên truyền

8. Về đăng kí thi đua cá nhân và tổ :

Stt	Họ và tên giáo viên	Đăng kí thi đua Năm học 2022- 2023	Hình thức đăng kí khen thưởng
1	Nguyễn Minh Sơn	LĐTT	GK.GDS
2	A lăng Thị An	LĐTT	
3	Bnướcch Nhứt	LĐTT	GK.GDS
4	Bnướcch Grông	LĐTT	
5	Nguyễn Thị Hăm	LĐTT	
6	Nguyễn Quốc Tuấn	LĐTT	
7	Đinh Quang Lĩnh	LĐTT	

9. Đăng kí thi đua tổ:

Tổ đạt danh hiệu *Tổ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.*

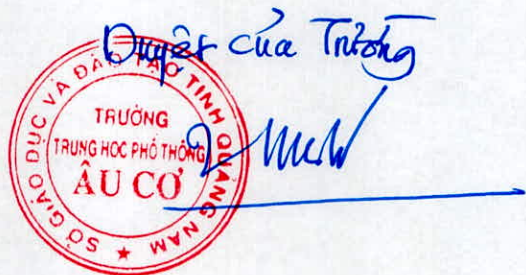
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT.

Trên đây là kế hoạch năm học 2022 -2023 nhằm thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực của tổ Sứ - Địa-CD-TDQP.

Đông Giang, ngày 15 tháng 9 năm 2022

Tổ trưởng

Nguyễn Minh Sơn



Trần Văn Nghĩa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM

TRƯỜNG THPT ÂU CƠ**ĐĂNG KÍ CHẤT LƯỢNG HỌC SINH THEO GIÁO VIÊN**

Năm học 2022-2023

STT	Khối	Lớp	Giáo viên giảng dạy	Môn	TSHS	TB		Khá		Giỏi	
						5 <= Điểm < 6.5		6.5 <= Điểm < 8		8 <= Điểm <= 10	
						SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	10	10/4	Alăng Thị An	Địa lí	36	17	47.22%	13	36.11%	6	16.67%
2	10	10/5	Alăng Thị An	Địa lí	35	16	45.71%	13	37.14%	6	17.14%
Cộng theo Khối 10					71	33	46.48%	26	36.62%	12	16.90%
1	11	11/1	Alăng Thị An	Địa lí	36	12	33.33%	16	44.44%	8	22.22%
2	11	11/2	Alăng Thị An	Địa lí	35	12	34.29%	16	45.71%	7	20.00%
3	11	11/3	Alăng Thị An	Địa lí	35	11	31.43%	17	48.57%	7	20.00%
4	11	11/4	Alăng Thị An	Địa lí	33	10	30.30%	15	45.45%	8	24.24%
Cộng theo Khối 11					139	45	32.37%	64	46.04%	30	21.58%
Cộng theo giáo viên Alăng Thị An					210	78	37.14%	90	42.86%	42	20.00%
1	10	10/3	Bnướcch Grồng	GDCD	35	17	48.57%	13	37.14%	5	14.29%
2	10	10/5	Bnướcch Grồng	GDCD	35	16	45.71%	14	40.00%	5	14.29%
Cộng theo Khối 10					70	33	47.14%	27	38.57%	10	14.29%
1	12	12/1	Bnướcch Grồng	GDCD	30	4	13.33%	14	46.67%	12	40.00%
2	12	12/2	Bnướcch Grồng	GDCD	29	7	24.14%	17	58.62%	5	17.24%
3	12	12/3	Bnướcch Grồng	GDCD	29	6	20.69%	17	58.62%	6	20.69%
Cộng theo Khối 12					88	17	19.32%	48	54.55%	23	26.14%
Cộng theo giáo viên Bnướcch Grồng					158	50	31.65%	75	47.47%	33	20.89%
1	10	10/1	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	38	26	68.42%	10	26.32%	2	5.26%
2	10	10/2	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	34	23	67.65%	9	26.47%	2	5.88%
3	10	10/3	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	35	25	71.43%	9	25.71%	1	2.86%
4	10	10/4	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	36	27	75.00%	7	19.44%	2	5.56%
5	10	10/5	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	35	25	71.43%	9	25.71%	1	2.86%
Cộng theo Khối 10					178	126	70.79%	44	24.72%	8	4.49%
1	11	11/1	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	36	20	55.56%	10	27.78%	6	16.67%
2	11	11/2	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	35	23	65.71%	10	28.57%	2	5.71%

3	11	11/3	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	35	26	74.29%	8	22.86%	1	2.86%
4	11	11/4	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	33	23	69.70%	9	27.27%	1	3.03%
Cộng theo Khối 11					139	92	66.19%	37	26.62%	10	7.19%
1	12	12/1	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	30	15	50.00%	10	33.33%	5	16.67%
2	12	12/2	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	29	17	58.62%	10	34.48%	2	6.90%
3	12	12/3	Bnướcch Nhứt	Lịch sử	29	20	68.97%	9	31.03%	0	0.00%
Cộng theo Khối 12					88	52	59.09%	29	32.95%	7	7.95%
Cộng theo giáo viên Bnướcch Nhứt					405	270	66.67%	110	27.16%	25	6.17%
1	10	10/2	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	34	15	44.12%	12	35.29%	7	20.59%
2	10	10/3	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	35	15	42.86%	13	37.14%	7	20.00%
Cộng theo Khối 10					69	30	43.48%	25	36.23%	14	20.29%
1	12	12/1	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	30	5	16.67%	10	33.33%	15	50.00%
2	12	12/2	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	29	8	27.59%	15	51.72%	6	20.69%
3	12	12/3	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	29	9	31.03%	15	51.72%	5	17.24%
4	12	12/4	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	29	7	24.14%	15	51.72%	7	24.14%
5	12	12/5	Nguyễn Minh Sơn	Địa lí	30	9	30.00%	14	46.67%	7	23.33%
Cộng theo Khối 12					147	38	25.85%	69	46.94%	40	27.21%
Cộng theo giáo viên Nguyễn Minh Sơn					216	68	31.48%	94	43.52%	54	25.00%
1	11	11/1	Nguyễn Quốc Tuấn	GDQP	36	0	0.00%	20		16	44.44%
2	11	11/2	Nguyễn Quốc Tuấn	GDQP	35	0	0.00%	20	57.14%	15	42.86%
3	11	11/3	Nguyễn Quốc Tuấn	GDQP	35	0	0.00%	20	57.14%	15	42.86%
4	11	11/4	Nguyễn Quốc Tuấn	GDQP	33	0	0.00%	20	60.61%	13	39.39%
Cộng theo Khối 11					139	0	0.00%	80	57.55%	59	42.45%
Cộng theo giáo viên Nguyễn Quốc Tuấn					139	0	0.00%	80	57.55%	59	42.45%
1	10	10/2	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	34	13	38.24%	17	50.00%	4	11.76%
2	10	10/4	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	36	12	33.33%	18	50.00%	6	16.67%
Cộng theo Khối 10					70	25	35.71%	35	50.00%	10	14.29%
1	11	11/1	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	36	10	27.78%	16	44.44%	10	27.78%
2	11	11/2	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	35	15	42.86%	12	34.29%	8	22.86%
3	11	11/3	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	35	15	42.86%	14	40.00%	6	17.14%
4	11	11/4	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	33	14	42.42%	13	39.39%	6	18.18%
Cộng theo Khối 11					139	54	38.85%	55	39.57%	30	21.58%
1	12	12/4	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	29	5	17.24%	15	51.72%	9	31.03%
2	12	12/5	Nguyễn Thị Hầm	GDCD	30	6	20.00%	15	50.00%	9	30.00%

Cộng theo Khối 12					59	11	18.64%	30	50.85%	18	30.51%
Cộng theo giáo viên Nguyễn Thị Hăm					268	90	33.58%	120	44.78%	58	21.64%
1	12	12/4	Trần Văn Nghĩa	Lịch sử	29	10	34.48%	14	48.28%	5	17.24%
2	12	12/5	Trần Văn Nghĩa	Lịch sử	30	9	30.00%	15	50.00%	6	20.00%
Cộng theo Khối 12					59	19	32.20%	29	49.15%	11	18.64%
Cộng theo giáo viên Trần Văn Nghĩa					59	19	32.20%	29	49.15%	11	18.64%
1	10	10/1	Đình Quang Lĩnh	GDQP	38	0	0.00%	20	52.63%	18	47.37%
2	10	10/2	Đình Quang Lĩnh	GDQP	34	0	0.00%	22	64.71%	12	35.29%
3	10	10/3	Đình Quang Lĩnh	GDQP	35	0	0.00%	20	57.14%	15	42.86%
4	10	10/4	Đình Quang Lĩnh	GDQP	36	0	0.00%	21	58.33%	15	41.67%
5	10	10/5	Đình Quang Lĩnh	GDQP	35	0	0.00%	19	54.29%	16	45.71%
Cộng theo Khối 10					178	0	0.00%	102	57.30%	76	42.70%
1	12	12/1	Đình Quang Lĩnh	GDQP	30	0	0.00%	16	53.33%	14	46.67%
2	12	12/2	Đình Quang Lĩnh	GDQP	29	0	0.00%	20	68.97%	9	31.03%
3	12	12/3	Đình Quang Lĩnh	GDQP	29	0	0.00%	19	65.52%	10	34.48%
4	12	12/4	Đình Quang Lĩnh	GDQP	29	0	0.00%	18	62.07%	11	37.93%
5	12	12/5	Đình Quang Lĩnh	GDQP	30	0	0.00%	18	60.00%	12	40.00%
Cộng theo Khối 12					147	0	0.00%	91	61.90%	56	38.10%
Cộng theo giáo viên Đình Quang Lĩnh					325	0	0.00%	193	59.38%	132	40.62%

ĐĂNG KÍ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC LỰC

Năm học 2022 - 2023

STT	LỚP	SĨ SỐ	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	10/4	36	2	5,44%	7	19,44%	27	75,00%
2	12/3	29	0	0,00%	13	44,83%	16	55,17%
3	12/4	29	0	0,00%	12	41,38%	17	58,62%

THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM-

Năm học 2022 - 2023

STT	LỚP	SĨ SỐ	TỐT		KHÁ	
			SL	TL	SL	TL
1	10/4	36	30	83,33%	0	16,67%
2	12/3	29	24	82,76%	5	17,24%
3	12/4	29	26	89,66%	3	10,34%